

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH B GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-02-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH B GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh B Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh B Giang tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh B Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 472/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Hà Đ**, sinh năm 1991. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Chu Văn B**, sinh năm 1980. Có mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Đào Thị Hà Đ trình bày thì nội dung vụ án như sau:

Chị Đào Thị Hà Đ và anh Chu Văn B kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, chị Đ anh B về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh B tại thôn H, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc, anh B thường xuyên dọa nạt chị Đ thậm chí còn đánh chị Đ. Từ năm tháng 5/2020 đến nay chị Đ anh B sống ly thân không còn quan hệ tình cảm gì, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Đ anh B có một con chung là cháu Chu Thế M, sinh ngày 14/7/2015. Nay ly hôn, chị Đ nhận nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đ anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Chu Văn B vắng mặt không có lý do. Anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đ, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh B được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Hà Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày trong đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Chu Văn B, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa anh Chu Văn B có mặt và đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn với anh thì anh đồng ý, sau khi ly hôn anh đồng

ý để chị Đ nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Hà Đ.

Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Hà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Thế M, sinh ngày 14/07/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Đào Thị Hà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đào Thị Hà Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Chu Văn B. Anh B có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn H, xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Đào Thị Hà Đ được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Hà Đ và anh Chu Văn B tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 09 tháng 03 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Nam Định. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nay chị Đ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh B, anh B đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ anh B có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh B là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị Đ anh B có 01 con chung là cháu Chu Thế M, sinh ngày 14/07/2015. Khi ly hôn chị Đ đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng, anh B đồng ý để chị Đ nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy từ khi ly thân năm 2020 đến nay chị Đ đã là người nuôi dưỡng con chung, hiện nay con chung là cháu M phát triển khỏe mạnh có chỗ ở ổn định, không bệnh tật gì. Do vậy cần giao cho chị Đào Thị Hà Đ nuôi dưỡng cháu Chu Thế M là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đào Thị Hà Đ và anh Chu Văn B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đào Thị Hà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Hà Đ: Cho chị Đào Thị Hà Đ được ly hôn với anh Chu Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Hà Đ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Chu Thế M, sinh ngày 14/07/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Chu Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh B thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Hà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh B Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001711 ngày 24/11/2020. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Giang;
- VKSND tỉnh B Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Y, huyện L, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Như